

Số: 25/2019/QĐST-HNGĐ

Quế Võ, ngày 21 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Công văn số 48/TANDTC-PC ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1991

STQ: Thôn Vũ Dương, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

HKTT: Khu 5, thị trấn phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

- Anh Nguyễn Trần T, sinh năm 1992

STQ: Khu 5, thị trấn phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trần T thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trần T được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trần T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trần T xác nhận, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 01 con chung là Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày 02/02/2014. Hiện con chung đang được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi vợ chồng ly hôn, chị X và anh T thỏa thuận, thống nhất tiếp tục giao con chung là cháu Kim Ngân cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị X có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trần T tự nguyện thỏa thuận, phân chia và không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Do các bên thỏa thuận việc giải quyết vụ án qua Trung tâm hòa giải - Đối thoại nên không phải nộp tiền lệ phí dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trần T tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày 02/02/2014 cho anh Nguyễn Trần T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị X có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Đương sự không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quế Võ;
- Chi cục thi hành án H. Quế Võ;
- UBND thị trấn Phố Mới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tuyết Mai

Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].